

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Y Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25-8-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-DS ngày 19-10-2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 21-7-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2022/QĐST-DS ngày 09-8-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào L; địa chỉ: xxx Hùng Vương, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn D; địa chỉ: Tổ x, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê T; địa chỉ: xxx Hùng Vương, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ Chị Nguyễn Đ; địa chỉ: ZZZ Đoàn Thị Điểm, thành phố L, tỉnh Quang Nam. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Đào N; địa chỉ: SSS Hùng Vương, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ Ông Nguyễn D. (Vắng mặt);

+ Bà Đoàn Th. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ x, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum;

+ Anh Đặng Đ; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ Anh Lê TH; địa chỉ: Thôn C, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Có mặt);

+ Anh Huỳnh C; địa chỉ: NNN Hùng Vương, thị trấn K, huyện H, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – chị Đào L trình bày:*

Vào ngày 24-5-2021, chị L có mua của anh Nguyễn D một số cây phong lan (loại giả hạc) với tổng trị giá 855.000.000đồng. Khi mua bán, anh D khẳng định các cây lan bán cho chị L là hoàn toàn đúng giống cây mà hai bên đã thỏa thuận. Việc mua bán được thực hiện dưới hình thức: Anh D giao cây trực tiếp còn tiền chị L chuyển qua tài khoản ngân hàng cho anh D. Nhưng khoảng 01 tháng sau, anh D tìm gặp và nói cho chị L biết tất cả các cây anh D bán cho chị đều không đúng giống cây hai bên thỏa thuận vì anh D bị người khác lừa mua cây không chuẩn giống.

Về phía nguyên đơn, sau khi mua cây của anh D, chị L đã bán lại toàn bộ số cây này cho người khác với giá 915.000.000đồng. Khi nghe bị đơn thông báo cây không đúng giống, chị L đã thu lại cây từ người mua và phải trả cho họ tổng số tiền 924.000.000đồng, bao gồm tiền mua bán, tiền phạt và chi phí công chăm sóc cây của người mua. Nhưng đến nay anh D mới trả lại cho chị L 510.000.000đồng. Số tiền còn lại dù chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không chịu trả.

Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hợp đồng mua bán được giao kết giữa chị với anh Nguyễn D vô hiệu buộc, anh D phải trả cho chị số tiền mua bán cây còn lại là 414.000.000đồng.

Tại phiên tòa, chị Đào L rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 81.000.000đồng (bao gồm tiền công chăm sóc cây, tiền phạt mà chị phải trả cho người đã mua cây của chị là 69.000.000đồng và số tiền 12.000.000đồng còn lại là tiền anh D đã cho chị khi mua bán các cây phong).

- Về phía đồng bị đơn - anh Nguyễn D: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh D luôn cố tình vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật:

+ Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73, 77 và 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người làm chứng – ông Nguyễn D, bà Đoàn Th chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 77 và Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 119, 122, 123, 126, 127, 131, 132 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đã được chị Đào L rút tại phiên tòa;

+ Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Tuyên hợp đồng mua bán tài sản giữa chị Đào L với anh Nguyễn D vô hiệu. Buộc anh D hoàn trả cho vợ chồng chị L số tiền mua bán còn lại là 333.000.000đồng. Chị L, anh Thủ trả lại cho anh D các cây phong lan đã nhận.

+ Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.900.000đồng.

+ Buộc anh D phải chịu 16.650.000đồng tiền án phí có giá ngạch và 300.000đồng tiền án phí không có giá ngạch; chị L, anh Thủ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đào L yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hợp đồng mua bán cây hoa phong lan được giao kết giữa chị với anh Nguyễn D vô hiệu, buộc anh D trả lại số tiền mua bán đã nhận. Do vậy, đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Ngọc Hồi, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn D dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 25-8-2021, chị Đào L yêu cầu anh Nguyễn D trả số tiền 369.000.000đồng còn nợ. Ngày 10-3-2022, nguyên đơn có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả thêm số tiền 45.000.000đồng. Đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11-7-2022, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố hợp đồng mua bán được giao kết giữa chị với anh Nguyễn D vô hiệu. Tại phiên tòa: Chị Đào L rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền công chăm sóc cây và tiền phạt mà chị phải trả cho người đã mua cây của chị là 69.000.000đồng và số tiền anh D đã cho chị khi mua bán các cây phong lan là 12.000.000đồng. Xét việc bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện vừa nêu của nguyên đơn phù hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện đã được nguyên đơn rút yêu cầu.

[4] Xét phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn thấy rằng: Theo trình bày của chị Đào L: Vào tháng 5 năm 2021 chị có mua của anh Nguyễn D các cây phong lan với tổng trị giá 855.000.000 đồng, gồm: 01 chậu lớn cây giả hạc Hồng Yên Thủy giá 530.000.000đồng, trong đó được phân thành: 01 ky (cây con) giá 25.000.000đồng; 01 dãy gồm 05 ky giá 115.000.000đồng và phần thân

mẹ còn lại giá 390.000.000đồng. 02 ky giả hạc Hồng Yên Thủy với giá 60.000.000đồng. 01 chậu giả hạc Hồng Yên Thủy với giá 95.000.000đồng. 01 ky giả hạc Hồng Á Hậu với giá 170.000.000đồng. Việc mua bán không lập thành văn bản mà thực hiện dưới hình thức: Anh D trực tiếp giao cây cho chị L còn chị L chuyển tiền qua tài khoản cho bị đơn. Toàn bộ số tiền mua bán đã được chị L trả đủ. Anh D đã giao cho chị L 01 chậu lớn Hồng Yên Thủy, 01 chậu nhỏ Hồng Yên Thủy và 01 ky giả hạc Hồng Á Hậu, riêng 02 ky Hồng Yên Thủy giá 60.000.000đồng thì anh D chưa giao cây. Sau khi mua cây, chị L đã bán lại toàn bộ số cây này cho chị Nguyễn Đ với giá 915.000.000đồng. Nhưng khoảng 01 tháng sau, anh D thông báo với nguyên đơn, tất cả các cây anh bán đều không đúng giống cây như hai bên thỏa thuận vì anh bị người khác lừa mua cây không chuẩn giống. Nghe vậy, chị L đã thu lại cây và phải trả cho chị Điệp tổng số tiền 924.000.000đồng, bao gồm tiền mua bán, tiền phạt và tiền công chăm sóc cây của người mua cây từ chị L. Tuy nhiên, đến nay, anh D mới trả lại cho nguyên đơn 510.000.000đồng. Số tiền còn lại dù chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không chịu trả. Do vậy, chị L khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng mua bán cây giữa chị với anh D vô hiệu; buộc bị đơn phải trả cho vợ chồng chị số tiền mua bán còn nợ là 333.000.000đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của chị L và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

[6] Xét lời khai trên của nguyên đơn phù hợp với ý kiến của chồng chị L là anh Lê T (người đã cùng chị L mua các cây phong lan trong vụ án của anh Nguyễn D), phù hợp với lời khai của người làm chứng – ông Đào N, các anh Đặng Đ, Lê TH và Huỳnh C. Cả anh Đ, anh D và anh C đều khai: Tại thời điểm bị đơn bán các cây phong lan cho chị L thì các anh không biết, nhưng sau khi phát hiện sai giống cây, cả 03 anh đều trực tiếp chứng kiến buổi làm việc giữa chị L với anh D. Trong buổi làm việc này, anh D thừa nhận bán sai giống cây và còn nợ tiền mua bán của chị L nhưng khi chị L yêu cầu viết giấy nhận nợ và cam kết trả tiền nợ thì anh D không viết. Còn ông Đào N khẳng định ông biết rõ việc mua bán các cây phong lan trong vụ án giữa chị L với anh D, như vợ chồng nguyên đơn trình bày là đúng, vì ông là cha ruột của chị L và thường xuyên trao đổi với vợ chồng chị L trong việc mua bán các loại hoa phong lan, ngoài ra ông còn là người trực tiếp chăm sóc vườn lan cho vợ chồng nguyên đơn. Lời khai của phía nguyên đơn cũng phù hợp với trình bày của chị Nguyễn Đ. Bên cạnh đó, chị L còn cung cấp các hóa đơn chuyển tiền chứng minh cho các khoản tiền

mà vợ chồng chị đã chuyển cho bị đơn khi mua cây và các khoản tiền do anh D chuyển trả cho vợ chồng chị L (sau khi phát hiện sai cây).

[7] Từ phân tích ở trên, có cơ sở kết luận: Vào tháng 5 năm 2021, anh Nguyễn D có bán cho chị Đào L một số cây phong lan gồm: 01 chậu lớn cây giả hạc Hồng Yên Thủy giá 530.000.000đồng. 02 ky giả hạc Hồng Yên Thủy với giá 60.000.000đồng. 01 chậu giả hạc Hồng Yên Thủy với giá 95.000.000đồng. 01 ky giả hạc Hồng Á Hậu với giá 170.000.000đồng. Việc mua bán không được lập thành văn bản mà thực hiện dưới hình thức: Anh D trực tiếp giao cây cho chị L còn chị L chuyển tiền qua tài khoản. Toàn bộ số tiền mua bán đã được chị L trả đủ; anh D đã giao cho chị L 01 chậu lớn Hồng Yên Thủy, 01 chậu Hồng Yên Thủy và 01 ky giả hạc Hồng Á Hậu, riêng 2 ky Hồng Yên Thủy giá 60.000.000đồng thì anh D chưa giao cây.

[8] Xét hợp đồng mua bán có tranh chấp trong vụ án, thấy rằng: Theo chị L, lý do chị khởi kiện là vì: Khi bán, anh D cam kết các cây phong lan anh bán cho chị L đều là cây đúng giống như hai bên đã thỏa thuận, nhưng thực tế toàn bộ các cây hoa đều sai về giống cây. Việc sai cây vừa nêu là do chính anh D thông báo cho chị L biết. Mặt khác, sau khi phát hiện sai giống cây, anh D đã chuyển trả cho vợ chồng chị L số tiền 510.000.000đồng. Anh Thủ và chị L còn khai: Trên thực tế, thì các cây phong lan do anh chị mua của anh D cũng đã trở hoa không đúng với loại hoa mà hai bên thỏa thuận khi mua bán.

[9] Về phía bị đơn, như đã nêu, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, anh D không tham gia tố tụng, không cung cấp lời khai, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai trên của chị L và anh Thủ để xác định: Khi bán các cây phong lan trong vụ án, chị L đã bị lừa dối dẫn đến mua cây không đúng giống cây như mong muốn. Nên, hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn với bị đơn bị vô hiệu theo Điều 127 Bộ luật Dân sự.

[10] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị L, anh Thủ yêu cầu buộc anh D phải trả cho vợ chồng chị số tiền mua bán cây còn lại là 333.000.000đồng vì đây là tài sản chung của vợ chồng anh chị. Cũng tại phiên tòa, chị L và anh Thủ đồng ý sẽ trả lại các cây phong lan đã nhận cho anh D. Xét phần yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[11] Với những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy: Toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào L về việc: Tuyên bố hợp đồng mua bán giữa chị với bị đơn bị vô hiệu, buộc anh D phải trả cho vợ chồng chị số tiền mua bán cây còn lại là 333.000.000đồng, là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm giải quyết vụ án của

Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là phù hợp.

[12] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.900.000đồng. Khoản chi phí này chị L đã nộp tạm ứng, nên anh D phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[13] Về án phí: Anh Nguyễn D phải chịu 300.000đồng tiền án phí không có giá ngạch (đối với phần yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận) và 16.650.000đồng tiền án phí có giá ngạch (đối với số tiền 333.000.000đồng phải hoàn trả cho phía nguyên đơn). Tổng số tiền án phí anh D phải nộp là 16.950.000đồng. Chị L và anh Thủ phải trả lại các chậu cây phong lan (có trị giá 1.200.000đồng) cho bị đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 92, 144, 147, 157, 165, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 127, 131, 385, 407, khoản 2 Điều 357, các Điều 430 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 81.000.000đồng (gồm các khoản: Công chăm sóc cây, tiền phạt và tiền anh Nguyễn D cho chị Đào L khi mua bán các cây phong) đã được nguyên đơn – chị Đào L rút yêu cầu.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào L về việc: Yêu cầu tuyên hợp đồng mua bán cây hoa phong lan được giao kết giữa chị Đào L với anh Nguyễn D vô hiệu; buộc anh D phải trả cho vợ chồng chị L số tiền mua bán cây còn nợ là 333.000.000đồng;

- Tuyên bố: Hợp đồng mua bán cây hoa phong lan được giao kết (bằng lời nói) giữa chị Đào L với anh Nguyễn D vô hiệu.

- Buộc anh Nguyễn D phải hoàn trả cho vợ chồng chị Đào L - anh Lê T số tiền đã nhận từ việc mua bán cây còn nợ là 333.000.000đồng (*ba trăm ba mươi ba triệu đồng*).

- Buộc chị Đào L và anh Lê T phải hoàn trả cho anh Nguyễn D 09 chậu hoa phong lan mà chị Đào L đã nhận của anh Nguyễn D.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn D phải trả cho chị Đào L số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.900.000đồng (*hai triệu, chín trăm nghìn đồng*).

4. Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Đào L và anh Lê T có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Nguyễn D không trả đủ số tiền mua bán và tiền chi phí tố tụng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

5. Về án phí:

- Buộc anh Nguyễn D phải nộp 16.950.000đồng (*mười sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc chị Đào L và anh Lê T phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tổng số tiền 10.350.000đồng mà chị Đào L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/ 0002664 ngày 18-10-2021 và Biên lai thu tiền số AA/2021/ 0002748 ngày 14-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi. Hoàn trả cho chị Đào L số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn lại là 10.050.000đồng (*Mười triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

6. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25-8-2022), chị Đào L và anh Lê T có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Anh Nguyễn D, chị Nguyễn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Trường Thọ